

Số: **427** /QĐ - CĐTKV

Hà Nội, ngày **27** tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

“V/v Hỗ trợ gia đình nữ công nhân có chồng bị chết do TNLD”

BAN THƯỜNG VỤ CÔNG ĐOÀN THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1024/QĐ - TLĐ ngày 18/7/2006 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Quy định nhiệm vụ quyền hạn của Công đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 710/ QĐ - CĐTKV ngày 28 tháng 8 năm 2016 của Ban thường vụ Công đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam, về việc ban hành Quy chế sử dụng “Quỹ Xã hội - Quỹ Tình người Công đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam”;

Xét đề nghị của Ban Nữ công và Ban Chính sách, Pháp luật Công đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi 363.000.000, đồng (*Ba trăm sáu mươi ba triệu đồng chẵn*) hỗ trợ cho gia đình nữ công nhân lao động có chồng bị tai nạn lao động chết tại các đơn vị thuộc Tập đoàn TKV.

(Có danh sách và mức chi kèm theo)

Điều 2. Số tiền trên được trích từ nguồn kinh phí Quỹ Xã hội - Quỹ Tình người Công đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam.

Điều 3. Văn phòng, các Ban của Công đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam cá nhân có tên tại Điều 1 căn cứ thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP, Ban CSPL.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH



Lê Thanh Xuân

DS NỮ CÓ CHỒNG HY SINH VÌ SỰ NGHIỆP SẢN XUẤT THAN
(Từ năm 1994 trở lại đây)

TT	Họ và tên nữ	Chồng		Mức thăm (đ)	Ký nhận
		Họ tên	Năm mất		
CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ					
1	Vũ Thị Gấm	Nguyễn Văn Chiến	Năm 2009	1000000	
CÔNG TY CP THAN CỘC SÁU					
2	Hoàng Thị Thơ	Nguyễn Văn Cường	1996	1000000	
3	Nguyễn Thị Dường	Nguyễn Xuân Hà	1999	1000000	
4	Nguyễn Thị Huyền	Nguyễn Mạnh Hùng	1999	1000000	
5	Nguyễn Thị Thuận	Trần Duy Hùng	2001	1000000	
6	Nguyễn Thị Xuân	Đàm Văn Quế	2004	1000000	
7	Vũ Thị Thúy Mai	Đình Văn Đức	2004	1000000	
8	Đặng Thị Ngọc	Trần Văn Hòa	2006	1000000	
9	Nguyễn Thị Thủy	Dương Văn Hồng	2008	1000000	
10	Trần Thị Thủy	Trần Minh Châu	2009	1000000	
11	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Nguyễn Quang Huy	2012	1000000	
12	Phạm Việt Dung	Nguyễn Văn Tuyền	2012	1000000	
13	Nguyễn Thị Thời	Nguyễn Văn Vinh	2013	1000000	
14	Đỗ Thị Gái	Đoàn Ngọc Tiến	2019	1000000	
15	Trần Thị Hương	Đào Quyết Thắng	2019	1000000	
CÔNG TY THAN QUANG HANH					
16	Trần Thị Hà	Dương Minh Dũng	28/9/2005	1000000	
17	Phạm Thị Huyền	Phạm Văn Huyền	25/3/2008	1000000	
18	Đặng Thị Tâm	Đặng Văn Minh	39574	1000000	
19	Phạm Thị Ngọc Ánh	Phạm Đức Ngọc	26/5/2010	1000000	
20	Hoàng Thị Dung	Đình Văn Hợi	18/01/2013	1000000	
21	Nguyễn Thị Vượng	Vũ Văn Khái	2015	1000000	
CÔNG TY ĐỊA CHẤT MỎ					
22	Bùi Thị Kiều	Lã Mạnh Thắng	Năm 2011	1000000	
CÔNG TY MÔI TRƯỜNG					
23	Lê Thị Hồng	Nguyễn Văn Đông	2016	1000000	
24	Nguyễn Thị Thu	Phạm Quang Bằng	2017	1000000	
CÔNG TY TUYỂN THAN CỬA ÔNG					
25	Trần Thị Thu Hà	Hoàng Bảo Toàn	2018	1000000	
26	Trương Thị Thùy Vân	Nguyễn Hùng Vinh	2003	1000000	
27	Nguyễn Thị Hòa	Đỗ Văn Hoàng	2007	1000000	
28	Đặng Thị Đảm	Nguyễn Văn Toàn	2012	1000000	
29	Nguyễn Thị ánh Nguyệt	Dương Xuân Trường	2015	1000000	
30	Nguyễn Thị Quyên	Đầu Xuân Dũng	2015	1000000	
CÔNG TY CP THAN ĐÈO NAI					
31	Đặng Thị Thìn	Đình Huyền Bí	1995	1000000	
32	Vũ Thị Lương	Nguyễn Bá Xanh	1995	1000000	
33	Trần Thu Anh	Nguyễn Văn Thời	1996	1000000	
34	Kiều Thị Huệ	Chu Đình Thái	2001	1000000	
35	Phạm Thị Tuyết	Nguyễn Sinh Hoạt	2004	1000000	
36	Đình Thị Tân	Bùi Văn Hải	2006	1000000	
37	Nguyễn Thị Bền	Đàm Văn Trực	2006	1000000	
38	Đào Thị Thương	Trần Duy Dương	2009	1000000	
39	Nguyễn Thị Điếu	Thần Long Quân	2011	1000000	
40	Mạc Thị Hương	Bàng Văn Thanh	2013	1000000	
CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG					

TT	Họ và tên nữ	Chồng		Mức thăm (đ)	Ký nhận
		Họ tên	Năm mất		
41	Trần Thị Nhung	Nguyễn Đức Tiến	1 tháng 1/2004	1000000	
42	Tô Thị Minh	Nguyễn Văn Mừng	7/2012	1000000	
43	Hoàng Thị Oanh	Nguyễn Xuân Long	1/2007	1000000	
44	Đỗ Thị Lý	Nguyễn Thanh Tuyền	1/2007	1000000	
45	Hoàng Thị Thanh	Hoàng Văn Tuấn	7/2000	1000000	
46	Nguyễn Thị Nhàn	Phạm Đức Tuất	1/2000	1000000	
47	Trần Thị Hậu	Phạm Bá Chương	7/2002	1000000	
48	Nguyễn Thị Huyền	Nguyễn Thanh Chiều	10/2015	1000000	
49	Nguyễn Thị Quế	Nguyễn Kim Giang	31/3/2006	1000000	
50	Trần Thị Nga	Nguyễn Đình Khang	1 tháng 10/2008	1000000	
51	Hoàng Thị Phượng	Ngô Văn Đẩu	13/8/2010	1000000	
52	Đặng Thị Hiền	Nguyễn Thanh Bình	1 tháng 8/2010	1000000	
53	Đặng Thị Lan	Tạ Xuân Hiến	29/6/2011	1000000	
54	Triệu Thị Thắm	Nguyễn Văn Hùng	1 tháng 5/2012	1000000	
55	Đậu Thị Quyên	Nguyễn Hồng Chinh	2/2012	1000000	
56	Hoàng Thị Mai	Nguyễn Văn Sơn	14/3/2014	1000000	
57	Dương Hồng Hạnh	Phạm Hoài Nam	24/11/2014	1000000	
58	Nguyễn Thu Hường	Nguyễn Văn Định	30/07/2016	1000000	
59	Lê Thị Nga	Nguyễn Văn Trường	2017	1000000	
60	Nguyễn Thị Chắc	Nguyễn Văn Nam	2018	1000000	
61	Nguyễn Thị Thanh Vui	Nguyễn Thế Hoạt	2018	1000000	
CÔNG TY THAN HÀ LONG					
62	Hoàng Thị Mật	Hoàng Văn Đạo	2002	1000000	
63	Hoàng Thị Toán	Lê Văn Dũng	2002	1000000	
64	Nguyễn Thị Hoan	Nguyễn Ngọc Trung	2005	1000000	
65	Nguyễn Thị Liên	Đoàn Văn Đán	2005	1000000	
66	Hoàng Thị Bích	Nguyễn Quang Chừ	2005	1000000	
67	Vi Thị Tính	Trần Xuân Quyết	2005	1000000	
68	Nguyễn Thị Lan Phương	Đỗ Xuân Quảng	2005	1000000	
69	Nguyễn Thị Thuận	Ngô Văn Đông	2006	1000000	
70	Trung Thị Lương	Vũ Hữu Dậu	2006	1000000	
71	Vũ Thị Loan	Nguyễn Xuân Diệp	2007	1000000	
72	Phạm Thị Nhài	Trần Văn Thự	2010	1000000	
73	Đinh Thị Diễm	Hà Ngọc Minh	2011	1000000	
74	Nguyễn Thị Thủy	Mạc Văn Tiếp	2011	1000000	
75	Nông Thị Hương	Trần Đình Sơn	2012	1000000	
76	Nguyễn Thị Thu Lan	Đinh Văn Thiết	2014	1000000	
77	Dương Thị Đước	Nguyễn Thế Anh	2005	1000000	
78	Đỗ Thị Cao Sơn	Đỗ Trảng Tâm	2005	1000000	
79	Trần Thị Lệ	Lê Văn Bình	2010	1000000	
80	Nguyễn Thị Nga	Nguyễn Văn Đại	2011	1000000	
81	Phạm Thị Nhài	Trần Văn Yêu	2016	1000000	
82	Lê Thị Hồng	Nguyễn Văn Đông	2016	1000000	
83	Nguyễn Thị Phương	Vũ Hữu Tình	2005	1000000	
84	Vũ Thị Nhuận	Đoàn Văn Đình	2007	1000000	
85	Đặng Thị Ngoan	Trần Văn Quý	2008	1000000	
86	Lương Thị Đào	Nguyễn Văn Hoài	2010	1000000	
87	Bùi Thị Thu	Dương Đức Thọ	2012	1000000	

TT	Họ và tên nữ	Chồng		Mức thăm (đ)	Ký nhận
		Họ tên	Năm mất		
88	Nguyễn Thị Huyền	Nguyễn Văn Khuyến	2013	1000000	
89	Lâm Thị Mai	Phạm Văn Bộ	2013	1000000	
90	Phạm Thị Thơm	Đỗ Thanh Hào	2019	1000000	
91	Nguyễn Thị Hạnh	Phạm Mạnh Tuyên	2019	1000000	
92	Lê Thị Ngọc	Nguyễn Văn Điềm	1997	1000000	
93	Nguyễn Thị Loan	Hoàng Văn Hoàn	1997	1000000	
94	Nguyễn Thị Bắc	Cao Nguyên Hoàn	2009	1000000	
95	Nguyễn Thị Hoa	Lê Xuân Hưng	2010	1000000	
96	Trần Thị Thức	Vũ Mạnh Túc	2012	1000000	
97	Nguyễn Thị Hiền	Phạm Mạnh Cường	2019	1000000	
CÔNG TY CP KINH DOANH THAN CẨM PHẢ					
97	Lục Thị Liên	Phạm Xuân Hiệ	2008		
CÔNG TY THAN KHE CHÀM (Nguyễn Thị Thu đưa về Môi trường)					
98	Nguyễn Thị Oanh	Nguyễn Đức Sản	2002	1000000	
99	Vòng Thị Loan	Nguyễn Văn Quang	2003	1000000	
100	Hoàng Thị Duyên	Phú Văn Thắng	2004	1000000	
101	Nguyễn Thị Vân	Lê Viết Mạnh	2004	1000000	
102	Nguyễn Thị Hồng	Lê Văn Hà	2006	1000000	
103	Trần Thị Huế	Đặng Ngọc Ký	2008	1000000	
104	Nguyễn T. Thanh Huyền	Đào Ngọc Hải	2008	1000000	
105	Bùi Thị Phượng	Tạ Đình Tân	2010	1000000	
106	Trần Thị Mận	Nguyễn Quốc Lộc	2011	1000000	
107	Đinh Thị Yến	Lê Xuân Thú	2014	1000000	
108	Trần Thị Khanh	Nguyễn Văn Thụ	2012	1000000	
109	Nguyễn T. Mai Hương	Vũ Văn Hùng	2017	1000000	
110	Phạm Thị Hoài	Văn Đình Tấn	2018	1000000	
CÔNG TY THAN THỐNG NHẤT					
111	Nguyễn Thị Thúy	Nguyễn Văn Tích	1996	1000000	
112	Phạm Thị Quyên	Vòng A Bạt	2000	1000000	
113	Lê Thị Thắm	Vũ Xuân Cận	2009	1000000	
114	Vũ Thị Hoa	Vũ Văn Quang	2015	1000000	
115	Nguyễn Thị Cúc	Lê Thành Đông	2015	1000000	
CÔNG TY CP THAN NÚI BÉO					
116	Phạm Thị Tùng	Vũ Ngọc Lâm	2008	1000000	
117	Phạm Thị Hợ	Phùng Văn Minh	1996	1000000	
118	Trần Thị Linh Hoa	Bùi Văn Dũng	2015	1000000	
119	Đặng Thị Liên	Trần Văn Đào	2005	1000000	
CÔNG TY CP THAN HÀ TU					
120	Hoàng Thị Oánh	Đặng Nam Hải	Tháng	1000000	
121	Nguyễn Thị Thủy	Nguyễn Quốc Thành	tháng	1000000	
122	Đỗ Thị Tính	Phan Tuấn Anh	Tháng	1000000	
123	Trần Thị Thu Thủy	Đào Văn Tâm	Tháng	1000000	
124	Nguyễn Hoàng Anh	Nguyễn Văn Lợi	Tháng	1000000	
125	Nguyễn Thị Thu Huyền	Đặng Nguyễn Tất Đạt	Tháng	1000000	
126	Vũ Thị Mai	Bùi Thanh Long	Tháng	1000000	
CÔNG TY CP THAN HÀ LẦM					
127	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Phạm Văn Dũng	2001	1000000	
128	Nguyễn Thị Hiệp	Vũ Đức Tân	2004	1000000	
129	Nguyễn Thị Tần	Nguyễn Văn Khánh	2005	1000000	
130	Tử Thị Lường	Bùi Đình Hải	2013	1000000	
131	Trần Thị Liên	Nguyễn Văn Nhiên	2014	1000000	

TT	Họ và tên nữ	Chồng		Mức thăm (đ)	Ký nhận
		Họ tên	Năm mất		
132	Bùi Thị Châu	Tăng Xuân Lục	1998	1000000	
133	Nguyễn Thị Liên	Đỗ Văn Đông	2001	1000000	
134	Phạm Thị Lê	Đỗ Văn Quý	1998	1000000	
135	Nguyễn Thị Thu	Hoàng Phó Nhưng	2002	1000000	
136	Lưu Thị Hận	Phạm Văn Phương	1995	1000000	
137	Ngô Thị Dung	Lưu Văn Xuân	1999	1000000	
138	Nguyễn Thị Hà	Nguyễn Văn Thủy	2001	1000000	
139	Trần Thị Loan	Đỗ Xuân Nghiêm	2004	1000000	
140	Phạm Thị Hoa	Phạm Thanh Bình	2015	1000000	
CÔNG TY THAN HÒN GAI					
136	Bùi Thị Yên	Nguyễn Đăng Hòa	2006	1000000	
137	Lưu Thị Thúy	Phạm Văn Chuyên	2010	1000000	
138	Nguyễn Thị Hương	Bạch Trọng Lâm	2013	1000000	
139	Đàm Thị Luyến	Vũ Văn Kết	2000	1000000	
140	Phạm Thị Lương	Nguyễn Thành Báo	2000	1000000	
141	Lê Thị Thúy Vinh	Nguyễn Văn Hiến	2001	1000000	
142	Nguyễn Thị Lương	Lê Công Định	2002	1000000	
143	Nguyễn Thị Hằng	Nguyễn Đắc Quang	2003	1000000	
144	Nguyễn Thị Xuân	Vương Đình Hoan	2007	1000000	
145	Trần Thị Thủy	Nguyễn Mạnh Khả	1996	1000000	
146	Lê Thị Phúc	Mai Văn Thông	2009	1000000	
147	Lê Thị Huyền	Ngô Đình Giang	2009	1000000	
148	Nguyễn Thị Mỹ	Phạm Văn Thanh	2015	1000000	
149	Đặng Thị Mai	Triệu Quang Việt	2015	1000000	
150	Tô Thị Thơ	Phan Anh Vân	2015	1000000	
151	Vũ Thị Thủy	Nguyễn Đức Thảo	2015	1000000	
152	Vũ Thị Sen	Đàm Quang Thắng	2015	1000000	
153	Nguyễn Thị Mai	Trần Đức Duy	2016	1000000	
154	Trần Thị Liên	Lê Văn Hiến	2016	1000000	
155	Trần Thị Hoài	Vũ Như Hiệu	2016	1000000	
156	Nguyễn T. Thu Hương	Phan Đình Ngà	2016	1000000	
157	Nguyễn Thị Duyên	Lục Thanh Quang	2004	1000000	
158	Nguyễn Thị Minh Ngà	Phạm Bảo Tùng	2012	1000000	
159	Nguyễn Ánh Tuyết	Lê Văn Mích	2001	1000000	
160	Nguyễn Thị Hiền	Lê Văn Ngụ	2018	1000000	
161	Lý Thị Hương	Hứa Văn Nam	2018	1000000	
162	Đỗ Thị Phương Thùy	Phạm Mạnh Cường	2019	1000000	
163	Phạm Thị Tâm	Lê Văn Đồn	2019	1000000	
CÔNG TY TUYẾN THAN HÒN GAI					
164	Hà Thị Lý	Nguyễn Văn Bình	2014	1000000	
CÔNG TY KHO VẬN ĐÁ BẠC					
165	Đinh Thị Thường	Hoàng Ngọc Hoàn	2004	1000000	
CÔNG TY XÂY DỰNG MỎ HẦM LÒ 2					
166	Nguyễn Thị Mai	Phạm Công Thuật	2012	1000000	
167	Nguyễn Thị Hải Yến	Phạm Văn Cương	2015	1000000	
168	Nguyễn Thị Thu Hà			1000000	
CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP Ô TÔ					
169	Đặng Thị Thúy	Phạm Minh Thi	2017	1000000	
CÔNG TY THAN DƯƠNG HUY					
170	Cao Thị Thìn	Trương Xuân Vũ	1996	1000000	
171	Vũ Thị Xuân	Nguyễn Thị Minh	1997	1000000	

TT	Họ và tên nữ	Chồng		Mức thăm (đ)	Ký nhận	
		Họ tên	Năm mất			
172	Trần Thị Lan	Lê Doãn The	1998	1000000		
173	Đỗ Thị Thảo	Đặng Xuân Hùng	2000	1000000		
174	Lê Thị Ly	Lê Xuân Ngọc	2002	1000000		
175	Bùi Thị Oanh	Đỗ Văn Tùng	2002	1000000		
176	Lê Thị Hậu	Nguyễn Đức Thọ	2004	1000000		
177	Nguyễn Thị Vy	Trịnh Văn Thiên	2005	1000000		
178	Trịnh Thị Nga	Phạm Văn Thiêng	2007	1000000		
179	Nguyễn Thị Hằng	Chu Văn Hòa	2010	1000000		
180	Trần Thị Liên	Đỗ Xuân Hùng	2010	1000000		
181	Trịnh Thị Huỳnh	Nguyễn Thế Minh	2012	1000000		
182	Nguyễn Thị Huyền	Mai Trọng Thắng	2012	1000000		
183	Hoàng Thị Đào	Trần Văn Khỏe	2014	1000000		
184	Trương Thị Loan	Lê Văn Nhị	2014	1000000		
185	Lê Thị Măng	Nguyễn Hữu Pháp	2016	1000000		
186	Nguyễn Thị Kim Thanh	Nguyễn Văn Thuận	2015	1000000		
187	Nguyễn Thị Phương Anh	Phạm Văn Dân	2017	1000000		
188	Phùng Thị Lụa	Nông Văn Bộc	2017	1000000		
189	Nguyễn Thị Lý	Hà Văn Nhân	2018	1000000		
190	Trần Thị Hiền	Ngô Văn Tường	2017	1000000		
191	Trần Thị Liên	Nguyễn Đức Hoàng	2016	1000000		
192	Đoàn Thị Hương	Vũ Văn Ly	2018	1000000		
193	Lò Thị Thoa	Lò Văn Quỳnh	2019	1000000		
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC						
194	Vũ Thị Thu Hà	Lương Hồng Hải	2001	1000000		
195	Trần Thị Thanh	Đỗ Chiến Thắng	2009	1000000		
196	Lê Thị Thúy Hạnh	Nguyễn Xuân Ánh	2001	1000000		
197	Hà Thị Sinh	Nông Khai Duy	2010	1000000		
198	Vũ Thị Vy	Phùng Chí Công	2010	1000000		
199	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Trần Văn Triều	2012	1000000		
200	Nguyễn Thị Nga	Hoàng Văn Thắng	2012	1000000		
201	Đặng Thị Thoa	Tương Mạnh Hồng	2002	1000000		
202	Nguyễn Thị Tha	Hoàng Văn Quế	2004	1000000		
203	Đặng Thị Thu Thủy	Vũ Quang Đức	2006	1000000		
204	Trần Thị Liên	Vũ Ngọc Sơn	2011	1000000		
205	Nguyễn Thị Hợi	Lại Ngọc Kính	2012	1000000		
206	Phạm Thị Hạnh	Đặng Văn Công	2004	1000000		
207	Trần Thị Thắm	Bùi Đức Liêm	2002	1000000		
208	Bùi Thị Nhung	Hoàng Văn Viễn	2010	1000000		
209	Nguyễn Thị Hoa	Nguyễn Văn Ngự	2005	1000000		
210	Vi Văn Làng	Vi Thị Lân	1994	1000000		
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN						
211	Hoàng Thị Pháy	Hoàng Mã Bế Long	2008	1000000		
212	Mông Thị Tuyển	Ngân Bá Bình	2012	1000000		
213	Bế Thị Ngọc Nha	Nông Đức Hữu	2017	1000000		
214	Đàm Thị Hằng	Dương Văn Chính	2007	1000000		
215	Hoàng Thị Thoa	Ma Huy Trọng	2013	1000000		
216	Nông Thị Len	Lâm Văn Thọ	2014	1000000		
217	Hoàng Thu Trang	Hoàng Văn Dũng	1998	1000000		
218	Trần Thị Ngọc	Nguyễn Văn Chiến	2008	1000000		

TT	Họ và tên nữ	Chồng		Mức thăm (đ)	Ký nhận
		Họ tên	Năm mất		
219	Nguyễn Thị Hồng Nam	Nguyễn Hiếu Kiên	2010	1000000	
220	Trần Thị Thanh	Nguyễn Ngọc Truy	2011	1000000	
221	Mai Thị Tuyết Nhung	Nguyễn Tiến Chính	2011	1000000	
222	Triệu Thị Uyên	Nông Văn Minh	2014	1000000	
TỔNG CÔNG TY CN HÓA CHẤT MỎ					
223	Nguyễn Thị Bắc	Nguyễn Văn Tiến	Năm 2004	1000000	
CÔNG TY THAN MẠO KHÊ					
224	Nguyễn Thị Liên	Nguyễn Phong Cảnh	2017	1000000	
225	Lê Thị Lam	Trần Duy Thông	1998	1000000	
226	Nguyễn Thị Thu	Đào Đức Bắc	1999	1000000	
227	Lâm Thị Oanh	Trần Văn Đăng	1999	1000000	
228	Lê Thị Sáu	Mai Văn Lại	1999	1000000	
229	Nguyễn Thị Sen	Lâm Văn Nam	2002	1000000	
230	Phạm Thị Cúc	Nguyễn Đăng Viên	2004	1000000	
231	Trần Thị Hoa	Nguyễn Văn Hoà	2004	1000000	
232	Nguyễn Thị Nụ	Quách Văn Giỏi	2005	1000000	
233	Đỗ Thị Hiền	Đặng Văn Theo	2005	1000000	
234	Hoàng Thị Dân	Nguyễn Thanh Bình	2006	1000000	
235	Vi Thị Huyền	Nguyễn Tuấn Gương	2007	1000000	
236	Nguyễn Thị Út	Phạm Tiến Giang	2008	1000000	
237	Dương Thị Huệ	Ngô Văn Nhẹ	2009	1000000	
238	Nguyễn Thị Chang	Đào Đình Tạo	2009	1000000	
239	Lê Thị Nhung	Vũ Thanh Bảy	2012	1000000	
240	Lê Thị Xuyên	Nguyễn Văn Song	2012	1000000	
241	Nguyễn Thị Vân	Trần Văn Vinh	2013	1000000	
242	Đặng Thị Hồng	Phạm Phú Tiến	2013	1000000	
243	Nguyễn Thị Nhân	Nguyễn Văn Dũng	2014	1000000	
244	Trịnh Thị Quý	Trần Đức Long	2014	1000000	
245	Hoàng Thị Thủy	Bùi Văn Thực	2014	1000000	
246	Đinh Thị Dung	Nguyễn Minh Thắng	1996	1000000	
247	Nguyễn Thị Trang	Dương Đức Phận	1996	1000000	
248	Trịnh Thị Hưng	Nguyễn Văn Phương	1996	1000000	
249	Nguyễn Thị Mong	Nguyễn Tiến Khuê	1999	1000000	
250	Nguyễn Thị Tâm	Phạm Tiến Nhượng	1999	1000000	
251	Nguyễn Thị Lan	Ngô Văn Thuấn	1999	1000000	
252	Nguyễn Thị Én	Nguyễn Văn Sáng	1999	1000000	
253	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nguyễn Đình Thu	1999	1000000	
254	Phạm Thị Dinh	Nguyễn Văn Định	1999	1000000	
255	Vũ Thị Dân	Đặng Đình Toàn	1999	1000000	
256	Nguyễn Thị Hường	Lê Văn Hạ	1999	1000000	
257	Mạc Thị Lan	Nguyễn Văn Át	1999	1000000	
258	Phạm Thị Hoa	Vũ Duy Luyện	1999	1000000	
259	Trần Thị Lý	Nguyễn Văn Thôi	2001	1000000	
260	Phạm Thị Bắc	Đào Văn Hữu	2002	1000000	
261	Nguyễn Thị Thanh Vân	Nguyễn Danh Tông	2002	1000000	
262	Đào Thị Ninh	Trần Mạnh Tường	2003	1000000	
263	Đỗ Thị Sứ	Đỗ Quý Tuấn	2004	1000000	
264	Đoàn Thị Thúy	Nguyễn Văn Huy	2006	1000000	
265	Phạm Thị Chiêu	Nguyễn Văn Vê	2008	1000000	

TT	Họ và tên nữ	Chồng		Mức thăm (đ)	Ký nhận
		Họ tên	Năm mất		
266	Nguyễn Thị Kim Sinh	Chu Văn Miêng	2009	1000000	
267	Hoàng Thị Minh	Trần Văn Bỉ	2010	1000000	
268	Nguyễn Thị Quế	Nguyễn Thái Tĩnh	2014	1000000	
269	Hoàng Thị Len	Vũ Đức Lý	2014	1000000	
270	Nguyễn Thị Phúc	Nguyễn Văn Dương	2014	1000000	
271	Phạm Thị Linh	Phạm Văn Đăng	2015	1000000	
272	Nguyễn Thị Trang	Đình Xuân Khánh	2016	1000000	
273	Nguyễn Thị Hồng Vân	Đỗ Thành Điệp	2016	1000000	
274	Trần Thị Minh	Nguyễn Việt Chung	2017	1000000	
275	Phạm Thị Liên	Nguyễn Văn Hiếu	2019	1000000	
CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY					
276	Trần Hồng Dân	Nguyễn Anh Tuấn	2006	1000000	
277	Nguyễn Thị Thu Hương	Phạm Anh Tuấn	2012	1000000	
278	Phạm Thị Phương Thảo	Nguyễn Văn Dâng	2017	1000000	
CÔNG TY CP THAN VÀNG DANH					
279	Lê Thị Xuân	Phạm Hồng Vân	2004	1000000	
280	Dương Thị Khánh Linh	Phạm Văn Chiến	2004	1000000	
281	Lê Thị Minh	Phạm Văn Độ	2005	1000000	
282	Lê Thị Oanh	Nguyễn Thế Quyền	2008	1000000	
283	Cao Thị Hữu	Hoàng Trung Kiên	2010	1000000	
284	Nguyễn Thị Hương	Nguyễn Văn Tiến	2010	1000000	
285	Phạm Thị Hoài Trinh	Trần Công Lương	2011	1000000	
286	Nguyễn Thị Huế	Nguyễn Văn Mạnh	2011	1000000	
287	Trịnh Thị Vinh	Bùi Ngọc Toàn	2015	1000000	
288	Nguyễn Thị Nhật	Nguyễn Lâm Tùng	2016	1000000	
289	Đoàn Thị Trang	Trần Văn Đoàn	2015	1000000	
CÔNG TY THAN UÔNG BÍ					
290	Đặng Thị Tình	Lê Văn Kiệm	1999	1000000	
291	Lê Thị Hương	Trương Đình Thảo	2006	1000000	
292	Bùi Thị Hoan	Hà Minh Huy	2007	1000000	
293	Nguyễn Thị Dịu	Nguyễn Văn Hùng	2003	1000000	
294	Vũ Thị Thuý Liễu	Nguyễn Văn Sửu	2010	1000000	
295	Hầu Thị Hảo	Nguyễn Văn Huấn	2010	1000000	
296	Trương Thị Ngọc	Trương Văn Tập	2010	1000000	
297	Nguyễn Thị Thu	Đoàn Văn Thành	2013	1000000	
298	Đàm Thị Thoa	Trần Minh Thành	2013	1000000	
299	Trần Thị Bích Hạnh	Lê Anh Phong	2014	1000000	
300	Phạm Thị Thoan	Phạm Văn Lực	2014	1000000	
301	Bùi Thị Hòa	Bùi Xuân Tiệp	2014	1000000	
302	Lê Thị Lý	Phạm Văn Vượng	2014	1000000	
303	Nguyễn Thị Thu Thúy	Nguyễn Bá Thuấn	2014	1000000	
304	Nguyễn Thị Hà	Đoàn Mai Năng	2007	1000000	
305	Đặng Thị Xuân	Đặng Văn Thành	2008	1000000	
306	Trần Thị Loan	Phạm Văn Chí	2009	1000000	
307	Đình Thị Thủy	Ngọc Văn Thơ	2012	1000000	
308	Nguyễn Thị Phượng	Nguyễn Danh Tuấn	2016	1000000	
309	Vũ Thị Thanh	Phạm Đình Hòe	2016	1000000	
310	Lê Thị Hoa	Nguyễn Văn Dương	2014	1000000	
311	Nguyễn Thị Duyên	Vũ Đình Yêu	2009	1000000	
312	Nguyễn Thị Phương	Vũ Văn Khánh	2011	1000000	

TT	Họ và tên nữ	Chồng		Mức thăm (đ)	Ký nhận
		Họ tên	Năm mất		
313	Nguyễn Thị Thảo	Tạ Văn Điệp	2011	1000000	
314	Phạm Thị Thu Trang	Phạm Văn Hữu	2011	1000000	
315	Nguyễn Thị Hiền	Nguyễn Văn Minh	2014	1000000	
316	Nguyễn Thị Mai Trang	Đỗ Văn Thùy	2006	1000000	
317	Nguyễn Thị Mão	Trần Xuân Hậu	2012	1000000	
318	Mai Thị Hào	Nguyễn Văn Tùng	2013	1000000	
319	Bùi Thị Huyền	Hoàng Văn Thao	2014	1000000	
320	Nguyễn Thị Hòa	Nguyễn Thế Hà	2016	1000000	
321	Nguyễn Thị Đài	Đỗ Quốc Dũng	2007	1000000	
322	Trần Thị Hiền	Dương Văn Tài	2017	1000000	
323	Bùi Thị Lành	Vũ Tuấn Anh	2018	1000000	
324	Vũ Thị Hường	Dương Văn Cường	2018	1000000	
CÔNG TY CP THAN CAO SƠN					
325	Nguyễn Thị Hình	Tạ Văn Dương	1996	1000000	
326	Nguyễn Thị Phả	Phạm Văn Mùi	2002	1000000	
327	Nguyễn Thị Suốt	Nguyễn Thế Ninh	2001	1000000	
328	Lê Thị Thúy	Nghiêm Xuân Hòa	2012	1000000	
329	Nguyễn Thị Nhung	Phạm Văn Công	2005	1000000	
330	Nguyễn Thị Dung	Vũ hoàng Minh	2007	1000000	
331	Nguyễn Thị Vân	La Văn Tới	2006	1000000	
332	Hàn Thị Thanh	Nguyễn Chí Thanh	2016	1000000	
333	Trần Thị Nga	Vũ Quang	2016	1000000	
334	Đào Thị Hường	Bùi Khắc Văn	2006	1000000	
335	Phạm Thị Hợi	Nguyễn Tiến Hùng	2016	1000000	
336	Hà Thị Phượng	Đình Văn Dự	2011	1000000	
CÔNG TY THAN NAM MẪU					
337	Lê Thị Thông	Lê Văn Tiến	1999	1000000	
338	Nguyễn Thị Chuyên	Bùi Văn Phiến	2000	1000000	
339	Vũ Thị Quyên	Trần Văn Hiến	2002	1000000	
340	Hà Thị Mây	Nguyễn Văn Linh	2005	1000000	
341	Nguyễn Thị Tàn	Phạm Hữu Luyện	2004	1000000	
342	Lê Thị Nụ	Bùi Văn Thất	2006	1000000	
343	Kiều Thị Xuyên	Trần Ngọc Thủy	2006	1000000	
344	Nguyễn Thị Hạnh	Nguyễn Thiết Trụ	2006	1000000	
345	Lê Thị Thức	Nguyễn Văn Nhất	2006	1000000	
346	Lê Thị Lan	Phạm Văn Thủy	2007	1000000	
347	Hà Thị Thu Thương	Trần Lê Duẩn	2008	1000000	
348	Lê Thị Nhài	Nguyễn Mạnh Hà	2008	1000000	
349	Tạ Thị Ngân	Nguyễn Sơn Anh	2009	1000000	
350	Phạm Thị Loan	Phạm Văn Dương	2010	1000000	
351	Vũ Thị Xinh	Hoàng Văn Cương	2010	1000000	
352	Vũ Thị Hào	Lê Đình Tư	2013	1000000	
353	Nguyễn Thị Huyền	Trương Công Định	2013	1000000	
354	Vũ Thị Viên	Bùi Quang Thoại	2014	1000000	
355	Nguyễn Thị Trà My	Phạm Đức Thịnh	2014	1000000	
356	Nguyễn Thị Thủy	Phạm Văn Hải	2014	1000000	
357	Nguyễn Thị Phượng	Vũ Ngọc Sáu	2014	1000000	
358	Nguyễn Thị Xuyên	Nguyễn Văn Hiến	2014	1000000	
359	Nguyễn Thị Ngần	Trần Văn Khương	2015	1000000	
360	Phạm Thị Thảo	Nguyễn Đăng Thành	2016	1000000	
361	Bùi Thị Nguyên	Lê Công Trọng	2018	1000000	

TT	Họ và tên nữ	Chồng		Mức thăm (đ)	Ký nhận
		Họ tên	Năm mất		
CƠ KHÍ MẠO KHÊ					
362	Đỗ Thị Thương	Phạm Quốc Phương	2002	1000000	
363	Nguyễn Thị Thanh	Trần Văn Dân	1998	1000000	
		Cộng:		363.000.000	